

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIG CAPITAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FIG CAPITAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FIG CAPITAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FIG CAPITAL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110720025

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 12, Tòa nhà Prime Center, 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4513     |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4530     |
| 3.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4541     |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4543     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tại từng thời điểm)                                                                                             | 4610     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm) (không hoạt động tại trụ sở) | 4632     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tại từng thời điểm)                                                                       | 4659     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ: không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                    | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>(Loại trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                    | 9511        |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                | 6201        |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                  | 6202        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                      | 6209        |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                   | 6311        |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính (loại trừ: tư vấn thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Chứng khoán và Luật Kế toán có hiệu lực tại từng thời điểm)                                     | 6619        |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (loại trừ: không thực hiện hoạt động “đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng”) | 6810        |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                             | 7020(Chính) |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                    | 4101        |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                              | 4102        |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                           | 4299        |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ phân bón                                                                                                                                                                                | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐẶNG THỊ<br>QUYÊN     | P208-nhà A10,<br>TT Viện nghiên<br>cứu KHTL,<br>Phường Trung<br>Liệt, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.500.0<br>00 | 65.000.000.000           | 65,000       | 0361810232<br>73                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Tổng số                            | 6.500.0<br>00 | 65.000.000.000           | 65,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THỊ<br>THU THANH | 97 Ngõ 105 Bạch<br>Mai, Phường<br>Thanh Nhàn,<br>Quận Hai Bà<br>Trung, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.200.0<br>00 | 32.000.000.000           | 32,000       | 0241750000<br>22                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Tổng số                            | 3.200.0<br>00 | 32.000.000.000           | 32,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                        |                           |         |               |       |              |
|---|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|-------|--------------|
| 3 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH | 5 Ngách 58 Ngõ Đỗ Thuận, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 3,000 | 001197011032 |
|   |                    |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                    |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                    |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                    |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                    |                                                                                        | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 3,000 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ THU THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 08/04/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024175000022

Ngày cấp: 23/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 97 Ngõ 105 Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 97 Ngõ 105 Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội